Chi tiết mã HS 5901.10.00

Mã HS	5901.10.00
Mô tả hàng hóa	Vải dệt được tráng gôm hoặc hồ tinh bột, dùng để bọc ngoài bìa sách hoặc loại tương tự; vải can; vải canvas đã xử lý để vẽ; vải hồ cứng và các loại vải dệt đã được làm cứng tương tự để làm cốt mũ / - Vải dệt được tráng gôm hoặc hồ tinh bột, dùng để bọc ngoài bìa sách hoặc các loại tương tự
Đơn vị	kg/m/m2
Thời điểm tạo	08/11/2026 15:26:11
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/59011000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	18	18%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8999
Thuế NK ưu đãi (MFN)	12	12%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8999
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8999
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	6.9	6,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E8576
ATIGA	2022	2022	0	AT!E8531
ATIGA	2023	2023	0	AT!F8531
ATIGA	2024	2024	0	AT!G8531
ATIGA	2025	2025	0	AT!H8531
ATIGA	2026	2026	0	AT!I8531
ATIGA	2027	2027	0	AT!J8531
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E8581
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F8581
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G8581
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H8581

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I8581
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J8581
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E8582
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F8582
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G8582
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H8582
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I8582
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J8582
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F8583
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H8537
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F8543
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G8543
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H8543
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I8543
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J8543
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K8543
VKFTA	2022	2022	0	VK!E8566
VKFTA	2023	2023	0	VK!F8566
VKFTA	2024	2024	0	VK!G8566
VKFTA	2025	2025	0	VK!H8566
VKFTA	2026	2026	0	VK!I8566
VKFTA	2027	2027	0	VK!J8566
VCFTA	2022	2022	2	VC!D8613
VCFTA	2023	2023	1	VC!E8613
VCFTA	2024	2024	0	VC!F8613
VCFTA	2025	2025	0	VC!G8613

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H8613
VCFTA	2027	2027	0	VC!I8613
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D8593
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E8593
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F8593
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G8593
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H8593
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I8593
AHKFTA	2022	2022	7	AKH!D8606
AHKFTA	2023	2023	5	AKH!E8606
AHKFTA	2024	2024	5	AKH!F8606
AHKFTA	2025	2025	2	AKH!G8606
AHKFTA	2026	2026	2	AKH!H8606
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I8606
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D8610
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E8610
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F8610
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G8610
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H8610
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I8610
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D8609
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E8609
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F8609
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G8609
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H8609
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I8609

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D8561
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E8561
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F8561
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G8561
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H8561
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I8561
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J8561
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D8598
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E8598
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F8598
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G8598
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H8598
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I8598
RCEP B	2022	2022	0	B!D8598
RCEP B	2023	2023	0	B!E8598
RCEP B	2024	2024	0	B!F8598
RCEP B	2025	2025	0	B!G8598
RCEP B	2026	2026	0	B!H8598
RCEP B	2027	2027	0	B!I8598
RCEP C	2022	2022	0	C!D8598
RCEP C	2023	2023	0	C!E8598
RCEP C	2024	2024	0	C!F8598
RCEP C	2025	2025	0	C!G8598
RCEP C	2026	2026	0	C!H8598
RCEP C	2027	2027	0	C!I8598
RCEP D	2022	2022	0	D!D8597

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E8597
RCEP D	2024	2024	0	D!F8597
RCEP D	2025	2025	0	D!G8597
RCEP D	2026	2026	0	D!H8597
RCEP D	2027	2027	0	D!I8597
RCEP E	2022	2022	0	E!D8601
RCEP E	2023	2023	0	E!E8601
RCEP E	2024	2024	0	E!F8601
RCEP E	2025	2025	0	E!G8601
RCEP E	2026	2026	0	E!H8601
RCEP E	2027	2027	0	E!I8601
RCEP F	2022	2022	0	F!D8598
RCEP F	2023	2023	0	F!E8598
RCEP F	2024	2024	0	F!F8598
RCEP F	2025	2025	0	F!G8598
RCEP F	2026	2026	0	F!H8598
RCEP F	2027	2027	0	F!I8598
VIFTA	2024	2024	10,3	VI!F7941
VIFTA	2025	2025	8.6	VI!G7941
VIFTA	2026	2026	6.9	VI!H7941
VIFTA	2027	2027	5.1	VI!I7941

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5901.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 12% của mã 5901.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8999), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.